

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2023

*Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Đức Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cao Văn Truyen

Ông Lê Văn Bút

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh ngày 15/02/1991;

Căn cước công dân số: 049191019199 do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/7/2021;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đ (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đ (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023; bản tự khai ghi ngày 20/6/2023 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đ vào ngày 14/4/2010, số

đăng ký: 21; quyền số 02; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sau khi kết hôn thì về sống tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đ; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay bà Lê Thị T xác định không còn tình cảm thương yêu ông Nguyễn Minh T1, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh T1 có 03 người con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/3/2011; Nguyễn Ngọc Minh T3, sinh ngày 19/6/2015 và Nguyễn Ngọc Minh T4, sinh ngày 23/01/2020. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 03/4/2023 bà T có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Ngọc Minh T4 và giao con Nguyễn Minh T2, Nguyễn Ngọc Minh T3 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi cho bên nào. Tại bản tự khai ngày 20/6/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con chung và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), mỗi một người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Bà T xác định bà và ông Nguyễn Minh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà T xác định bà và ông T1 không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà.

\* *Bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 trình bày tại bản tự khai ghi ngày 14/6/2023 gửi đến Tòa án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Minh T1 và bà Lê Thị T có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới xong thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn lẫn nhau về tính tình và quan điểm sống. Hai bên đã hòa giải nhưng không được nên ông T1 và bà T đã ly thân mỗi người một nơi một thời gian. Nay bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông T1 thấy hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, không có hạnh phúc nên ông T1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T1 và bà T được ly hôn với nhau.

- *Về con chung*: Ông T1 và bà T có ba người con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/3/2011; Nguyễn Ngọc Minh T3, sinh ngày 19/6/2015 và Nguyễn Ngọc Minh T4, sinh ngày 23/01/2020. Ly hôn, ông T1 đồng ý để cho bé Nguyễn Ngọc Minh T3 sống cùng mẹ sau ly hôn theo ý của bà Lê Thị T.

- *Về tài sản chung*: Ông T1 xác định ông và bà T không có tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Ông T1 xác định ông và bà T không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị T đối với bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”*.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/3/2011; Nguyễn Ngọc Minh T3, sinh ngày 19/6/2015 và Nguyễn Ngọc Minh T4, sinh ngày 23/01/2020 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Minh T1 phải cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), mỗi một người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; buộc ông Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 có địa chỉ tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Nguyễn Minh T1.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh T1 có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đ vào ngày 14/4/2010, số đăng ký: 21, quyển số: 02; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà T và ông T1 chung sống tại thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đ. Bà T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau về mọi mặt, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Để ổn định cuộc sống, bà Lê Thị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T1. Ông T1 xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc và cùng thương yêu nhau. Theo bà T và ông T1 trình bày thì vợ chồng trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, Tòa án xác minh tại nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà trong quá trình chung sống có mâu thuẫn là có thật, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ; Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T1 đều vắng mặt, điều này thể hiện sự không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình của ông T1. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Lê Thị T là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Minh T1 xác định vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà T được ly hôn với nhau nên Hội đồng xét xử cho ông T1 và bà T được ly hôn với nhau là phù hợp với nguyện vọng của cả bà T và ông T1.

[4] Về con chung:

[4.1] Xét thấy nguyện vọng nuôi con của cả bà T là chính đáng; cha mẹ đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc nuôi dạy con cái. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của cả bà T và ông T1 cũng như nguyện vọng của con là được ở với ai. Tại phiên tòa hôm nay, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con là Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/3/2011; Nguyễn Ngọc Minh T3, sinh ngày 19/6/2015 và

Nguyễn Ngọc Minh T4, sinh ngày 23/01/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T có công việc ổn định hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng các con nên cần giao cả 03 người con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con Nguyễn Minh T2 và Nguyễn Ngọc Minh T3.

[4.2] Ông Nguyễn Minh T1 đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà T và đồng ý giao con Nguyễn Ngọc Minh T4 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; trong bản trình bày ông không nêu nguyện vọng là được nuôi người con nào nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi ba người con mỗi tháng 3.000.000 đồng, mỗi một người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng của bà T là chính đáng, có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích cho các con, phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, cần buộc ông T1 phải cấp dưỡng nuôi 03 người con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*mỗi một người con là 1.000.000 đồng/tháng*) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Minh T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về Án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Lê Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Minh T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị T về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” đối với bị đơn là ông Nguyễn Minh T1.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Minh T2, sinh ngày 16/3/2011; Nguyễn Ngọc Minh T3, sinh ngày 19/6/2015 và Nguyễn Ngọc Minh T4, sinh ngày 23/01/2020 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T1 phải cấp dưỡng nuôi 03 (ba) người con mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), mỗi một người con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp theo biên lai thu số 0009236 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí.

+ Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Minh T1 phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

6. *Về quyền yêu cầu thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên đương sự;
  - VKSND huyện Hòa Vang;
  - Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
  - UBND xã H, huyện H, thành phố Đ;
- (Giấy CNKH số 21 ngày 14/4/2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đức Thiện**